| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bán án số: 402/2026/DS-PT
Ngày: 05/6/2026
V/v *"Đòi lại tài sản"*

**NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Sự

*Các Thẩm phán*: Ông Trần Thanh Phong

Ông Nguyễn Văn Nam

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngọc Tú – Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai:*** Bà Nguyễn Hoàng Thế Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 05 tháng 6 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố. Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2026/TLPT-DS ngày 02/02/2026 về việc *"Đòi lại tài sản"* do bản án dân sự sơ thẩm số 47/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 343/2026/QĐ-PT ngày 04/5/2026, Quyết định hoãn phiên toà số 423 ngày 21/5/2026 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Đ2 (S)

Trụ sở: A T, phường H, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Võ Minh T và ông Trần Ngọc H - Chuyên viên chính xử lý nợ tố tụng khu vực miền N (Văn bản ủy quyền ngày 31/12/2024).

Địa chỉ: 8 P, phường T, thành phố Đ.

*2. Bị đơn:* Bà Phạm Thị Kim H1, sinh năm: 1965; ông Huỳnh Công T1, sinh năm: 1963

Cùng địa chỉ: D, đường C, khu phố A, phường L, tỉnh Đồng Nai.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh Huỳnh Công Đ, sinh năm: 1984

3.2. Anh Huỳnh Công Đ1, sinh năm: 1986

3.3. Chị Huỳnh Thị Đoan T2, sinh năm: 1989

3.4. Anh Huỳnh Thanh V, sinh năm: 1993

3.5. Chị Huỳnh Ngọc Hoàng K, sinh năm: 2001

Cùng địa chỉ: D, đường C, khu phố A, phường L, tỉnh Đồng Nai.

*4. Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị Kim H1.

*5*. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai kháng nghị

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà Phạm Thị Kim H1 và ông Huỳnh Công T1 vay vốn tại S theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 32/2012/HĐTD-ĐN ngày 10/09/2012. , cụ thể:

+ Số tiền vay: 250.000.000 đồng

+ Thời hạn vay: 60 tháng.

+ Mục đích sử dụng vốn: xây, sửa chữa nhà ở.

+ Lịch trình trả nợ: Trả gốc và lãi đều vào ngày 15 hàng tháng.

+ Lãi suất tại thời điểm vay vốn 16.5%/năm, lãi suất này sẽ được điều chỉnh vào đầu mỗi quý và điều chỉnh theo thông báo của S trong từng thời kỳ bằng lãi suất tiết kiệm tiền gửi tiết kiệm cho cá nhân cao nhất cộng biên độ 4,7%/năm.

Thực hiện hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 32/2012/HĐTD-ĐN, ngày 10/09/2012 S đã giải ngân cho Bà Phạm Thị Kim H1 và ông Huỳnh Công T1 số tiền 250.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ cụ thể:

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, bà Phạm Thị Kim H1 và ông Huỳnh Công T1 đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại KP5, phường X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai (Nay là phường L, tỉnh Đồng Nai) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 027137 do UBND thị xã L, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30/07/2012, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 01596 đứng tên ông Huỳnh Công T1 và bà Phạm Thị Kim H1, diện tích đất ở 77,5 $m^2$ tại thừa đất số 299, tờ bản đồ số 07, phường X (nay là thửa 299, tờ bản đồ 66, phường L).

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 32/2012/HĐTC ngày 10/09/2012; được Phòng Công chứng số 01 tỉnh Đ chứng thực ngày 10/09/2012; được đăng ký thế chấp ngày 10/09/2012 tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất chi nhánh thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nói trên, bà Phạm Thị Kim H1 và ông Huỳnh Công T1 đã thanh toán được số tiền gốc là 9.742.813 đồng và số tiền lãi là 23.313.070 đồng. Sau đó bà Phạm Thị Kim H1 và ông Huỳnh Công T1 đã vi phạm nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc và thanh toán tiền lãi cho S.

Kể từ thời điểm khoản vay bị quá hạn, S đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bà Phạm Thị Kim H1 và ông Huỳnh Công T1 trả nợ, mặc dù đã nhiều lần cam kết trả nợ cho S và S đã hỗ trợ tạo điều kiện gia hạn thời gian thanh toán nhưng bà Phạm Thị Kim H1 và ông Huỳnh Công T1 không thực hiện.

Ngân hàng S yêu cầu bên vay là bà Phạm Thị Kim H1 và ông Huỳnh Công T1 có nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Tổng cộng số tiền tính đến ngày 30/9/2025 là: 762.265.132 đồng (trong đó gốc: 240.257.187đ, lãi trong hạn: 79.286.940đ, lãi quá hạn: 442.721.005đ) và các khoản tiền lãi, phí phát sinh kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

** Bị đơn bà Phạm Thị Kim H1, ông Huỳnh Công T1 trình bày:*

+ Ý kiến bà H1: Năm 2012, vợ chồng có vay Ngân hàng S 250.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 32/2012/HĐTD-ĐN ngày 10/9/2012. Khi vay vợ chồng có thế chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn với đất số 32/2012/HĐTC ngày 10/9/2012.

Trong quá trình giải quyết, bà H1 có yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn với đất số 32/2012/HĐTC ngày 10/9/2012 do trái quy định pháp luật, tuy nhiên bà không nộp tiền tạm ứng án phí phản tố nên Tòa án không xem xét.

Nay bà H1 đề nghị Tòa án thực hiện theo quyết định đình chỉ vụ án trước đây của Tòa án vì trước đây Tòa án đã đình chỉ vụ án và Ngân hàng không có quyền khởi kiện lại.

+ Ý kiến ông T1: Ông T1 thừa nhận vợ chồng có vay Ngân hàng S số tiền trên và có thế chấp quyền sử dụng đất đứng tên 2 vợ chồng cho Ngân hàng. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Huỳnh Công Đ, Chị Huỳnh Thị*

*Đoan T2 trình bày:*

Nguồn gốc tài sản thế chấp về đất do 03 anh chị em bỏ tiền ra mua (Đ, T2, Đ1) nhưng để ba mẹ đứng tên. Về tài sản trên đất: Căn nhà chính do chị T2 bỏ tiền ra xây, căn nhà kho và căn nhà nhỏ do anh Đ bỏ tiền xây. Nay Ngân hàng muốn bán tài sản cần phải hỏi ý kiến anh chị em vì do anh chị em bỏ tiền ra mua.

** Bản án sơ thẩm số 47/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai đã tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ2 (S), buộc bà Phạm Thị Kim H1 và ông Huỳnh Công T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ2 tổng số tiền tính đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2025 là 762.265.132đ (Bảy trăm sáu mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi lăm ngàn, một trăm ba mươi hai đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 240.257.187 đ

- Nợ lãi trong hạn: 79.286.940 đ

- Nợ lãi quá hạn: 442.721.005 đ

Về tiền lãi: Kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2025, bà H1, ông T1 còn tiếp tục phải thanh toán tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã ký kết theo hợp đồng tín dụng số 32/2012/HĐTD-ĐN ngày 10/09/2012 tại thời điểm thanh toán, cho đến khi thanh toán xong.

Về tài sản bảo đảm: Trường hợp bà Phạm Thị Kim H1 và ông Huỳnh Công T1 không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP Đ2 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp số 32/2012/HĐTC ngày 10/09/2012 để thu hồi nợ đối với thửa 299, tờ bản đồ 07, diện tích 77,5m2 tại phường X (nay là thửa 299, tờ bản đồ 66, phường L) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 027137 do UBND thị xã L, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30/07/2012 cho ông Huỳnh Công T1 và bà Phạm Thị Kim H1.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 15/10/2025, bị đơn bà H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

* Ngày 14/10/2025 Viện trưởng VKSND khu vực 4- Đồng Nai kháng nghị theo hướng huỷ bản án sơ thẩm.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai phát biểu quan điểm:* Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng

trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về kháng cáo, kháng nghị: Người kháng cáo bà H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt thì bị coi như từ bỏ việc kháng cáo. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý lại vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa Ngân hàng S và ông Huỳnh Công T1, bà Phạm Thị Kim H1 trong khi Toà án nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai đã căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 78/2018/QĐST-TCDS vào ngày 15/11/2018 là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên việc đình chỉ giải quyết vụ án trên không làm chấm dứt quyền tài sản hợp pháp của tổ chức tín dụng đối với khoản tiền đã giải ngân cũng như quyền xử lý tài sản bảo đảm được xác lập hợp pháp theo hợp đồng thế chấp. Ngân hàng có quyền yêu cầu ông T1 bà H1 hoàn trả lại khoản tiền này. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai là có căn cứ, tuy nhiên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại như nội dung kháng nghị. Do đó, tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai sửa đổi, bổ sung nội dung kháng nghị theo hướng sửa bản án sơ thẩm về quan hệ pháp luật tranh chấp, buộc bà Phạm Thị Kim H1, ông Huỳnh Công T1 hoàn trả số tiền nợ gốc còn lại cho Ngân hàng TMCP Đ2, không chấp nhận yêu cầu về lãi; đồng thời đình chỉ giải quyết kháng cáo của bà H1.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[**1] Về thủ tục kháng cáo, kháng nghị:

[1.1] Bị đơn bà Phạm Thị Kim H1 nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên kháng cáo được thụ lý xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Bà H1 được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do xem như bà H1 từ bỏ việc kháng cáo, căn cứ quy định tại Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết phúc thẩm đối với kháng cáo của bà H1.

[1.2] Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Đồng Nai ban hành kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 14/10/2025. Thời hạn kháng nghị đúng quy định pháp luật nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thay đổi nội dung kháng nghị theo hướng đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu đòi lại khoản nợ gốc.

[2] Về người tham gia phiên toà:

Các đương sự bà Phạm Thị Kim H1, ông Huỳnh Công T1, anh Huỳnh Công Đ, anh Huỳnh Công Đ1, chị Huỳnh Thị Đoan T2, anh Huỳnh Thanh V, chị Huỳnh Ngọc Hoàng K được triệu tập nhưng không có mặt, căn cứ quy định tại Điều 298 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Xét kháng nghị

[3.1] Về quyền khởi kiện:

Bà Phạm Thị Kim H1 và ông Huỳnh Công T1 vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 (S) số tiền 250.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 32/2012/HĐTD-ĐN ngày 10/09/2012. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thừa đất số 299, tờ bản đồ số 07, phường X (nay là thửa 299, tờ bản đồ 66, phường L). Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 32/2012/HĐTC được chứng thực và đăng ký thế chấp đúng quy định pháp luật.

Ngày 06/4/2018, Ngân hàng S khởi kiện bà H1 ông T1 tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án nhân dân thị xã Long Khánh. Ngày 15/11/2018 Toà án đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 78/2018/QĐST-TCDS do nguyên đơn Ngân hàng không nộp chi phí tố tụng. Quyết định trên không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 218, khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Ngân hàng S không có quyền khởi kiện lại đối với ông T1 bà H1 tranh chấp về hợp đồng tín dụng số 32/2012/HĐTD-ĐN ngày 10/09/2012.

Như vậy, việc Toà án nhân dân thành phố Long Khánh (nay là Toà án nhân dân khu vực 4- Đồng Nai) thụ lý, giải quyết tranh chấp đối với hợp đồng tín dụng nêu trên trong khi việc khởi kiện không có gì khác đối với vụ án đã bị đình chỉ giải quyết là chưa phù hợp. Tuy nhiên xét trong yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có nội dung yêu cầu buộc bị đơn hoàn trả lại số tiền gốc đã nhận thông qua hợp đồng tín dụng

nhưng chưa trả là 240.257.187 đ. Căn cứ Điều 166 của Bộ luật dân sự thì việc đòi lại tài sản không áp dụng thời hiệu nên nội dung yêu cầu này được thụ lý giải quyết do đó quan hệ tranh chấp trong vụ kiện cần xác định là Đòi lại tài sản.

[3.2] Về nợ gốc

Từ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, lời khai thừa nhận của bị đơn ông T1 bà H1 có đủ căn cứ xác định: thông qua việc giao kết hợp đồng tín dụng số 32/2012/HĐTD-ĐN ngày 10/09/2012 với Ngân hàng TMCP Đ2. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông T1 bà H1 đã nhận số tiền gốc 250.000.000 đồng, đã trả 9.742.813 đồng, còn lại 240.257.187đ đến nay vẫn chưa trả. Do đó việc Ngân hàng yêu cầu ông T1 bà H1 phải trả lại số tiền trên là có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Đối với yêu cầu tính lãi, như đã phân tích ở trên nguyên đơn không còn quyền khởi kiện đối với hợp đồng tín dụng nên không có quyền yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Từ phân tích trên, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai, sửa bản án sơ thẩm đối với yêu cầu về lãi của nguyên đơn.

[3.4] Về tài sản bảo đảm:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 32/2012/HĐTC được chứng thực và đăng ký thế chấp đúng quy định pháp luật. Do đó tiếp tục dùng tài sản đã thế chấp gồm là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền thừa đất số 299, tờ bản đồ số 07, phường X (nay là thửa 299, tờ bản đồ 66, phường L) để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của ông T1 bà H1 đối với Ngân hàng S.

[3.5] Đối với các đương sự Huỳnh Công Đ, Huỳnh Thị Đoan T2 cho rằng thửa đất 299, tờ bản đồ số 07 là tài sản do anh Huỳnh Công Đ, Huỳnh Công Đ1, Huỳnh Thị Đoan T2 bỏ tiền ra xây và để cha mẹ đứng tên hộ nhưng không có yêu cầu tranh chấp nên cấp sơ thẩm không xem xét là có căn cứ.

[4] Án phí:

[4.1] Án phí sơ thẩm:

Tuy đã hơn 60 tuổi nhưng ông Huỳnh Công T1 không có đơn xin miễn, cấp sơ thẩm vẫn miễn án phí dân sự sơ thẩm cho đương sự này là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 về án phí, lệ phí tòa án**.** Ông T1 bà H1 phải chịu án phí dân

sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu được chấp nhận của nguyên đơn, thành tiền là 12.012.000đ (làm tròn)

[4.2] Án phí phúc thẩm: do đình chỉ giải quyết kháng cáo nên người kháng cáo bà H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Chi phí tố tụng: tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận 1 phần nên mỗi bên phải chịu ½ chi phí tố tụng. Nguyên đơn đã tạm ứng toàn bộ số tiền trên nên bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn 1.000.000đ (Một triệu đồng)

[6] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố Đồng Nai

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên*,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ giải quyết yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim H2

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 166, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ2 (S) đối với bà Phạm Thị Kim H1 và ông Huỳnh Công T1 về đòi lại tài sản, không chấp nhận yêu cầu về tiền lãi.

Bà Phạm Thị Kim H1 ông Huỳnh Công T1 có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ2 số tiền 240.257.187đ (Hai trăm bốn triệu hai trăm năm mươi bảy ngàn một trăm tám mươi bảy đồng).

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền thừa đất số 299, tờ bản đồ số 07, phường X (nay là thửa 299, tờ bản đồ 66, phường L) theo hợp đồng thế chấp số 32/2012/HĐTC ngày 10/09/2012 được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

3. Chi phí tố tụng:

Mỗi bên phải chịu 1.000.000đ (Một triệu đồng) chi phí tố tụng. Nguyên đơn đã nộp xong, bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng)

4. Về án phí:

Ông Huỳnh Công T1 bà Phạm Thị Kim H1 phải chịu án phí dân sơ thẩm là 12.012.000đ (Mười hai triệu không trăm mười hai ngàn đồng)

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Đ2 15.191.743đ (Mười lăm triệu một trăm chín mươi mốt ngàn bảy trăm bốn mươi ba đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008396 ngày 09/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Đồng Nai).

Bà Phạm Thị Kim H1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 3818 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ)

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Các Thẩm phán** **Thẩm phán – Chủ tọa**

**Nguyễn Văn Nam  Trần Thanh Phong  Nguyễn Công Sự**

***Nơi nhận:***
- VKSND TP.Đồng Nai;
- THADS TP.Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 4;
- TAND khu vực 4 – Đồng Nai
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Công Sự**